

Bản án số: 10 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 3 năm 2020
(V/v: Tranh chấp HNGĐ)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Tuyết - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T1 - sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Nguyên quán: thôn Phú Trạch, xã Phương Tú, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội

Nơi ĐKKTT: thôn Hậu Xá, xã Phương Tú, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội;

** Bị đơn:* Anh Thái Văn T2 - sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Sinh trú quán: thôn Hậu Xá, xã Phương Tú, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Chị kết hôn với anh Thái Văn T2 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Tú ngày 13 tháng 3 năm 2006. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T2 không chịu làm ăn, giúp đỡ chị về kinh tế gia đình, mình chị phải làm nuôi 03 đứa con, thậm chí phải nuôi cả anh T2; đã vậy, anh T2 lại còn chơi bời cờ bạc, bỏ bịch, có lần còn đưa cả người phụ nữ khác về nhà ở mấy ngày dẫn đến việc đánh ghen âm ỉ, chính quyền phải can thiệp. Tình trạng cứ như vậy dẫn đến mâu thuẫn căng thẳng, hầu như ngày nào vợ

chồng cũng xảy ra cãi vã, chửi bới lẫn nhau. Có lần chị đi làm ăn xa cả tháng đến lúc về vợ chồng lại cãi chửi nhau từ nhưng mâu thuẫn nhỏ nhất trong sinh hoạt gia đình, anh T2 là đàn ông nhưng lại hay nói và thậm chí nói quá nhiều làm cho chị rất mệt mỏi, căng thẳng. Cứ như vậy, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, anh T1 thường xuyên chửi bới, có lần còn đánh đập chị. Đã nhiều lần chị muốn làm đơn xin ly hôn nhưng lại nghĩ về con cái nên chị lại thôi, lại cố gắng chịu đựng với hy vọng rồi anh T2 sẽ thay đổi để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng anh T1 vẫn cứng đầu tịt đầu, làm cho chị không thể ở lại cùng nhà được mà phải bỏ đi. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị xin được ly hôn để giải thoát cho cả hai khỏi tình trạng hiện nay.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Thái Việt Hà – sinh ngày 20/9/2006, Thái Quang Vinh – sinh ngày 13/8/2009 và Thái Mạnh Cường – sinh ngày 25/7/2016. Hiện nay cả 03 cháu vẫn đang ở với anh T1, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay chị vẫn thường xuyên gửi tiền để nuôi các con. Mong muốn của chị sau ly hôn xin được nuôi cháu Vinh, còn 02 cháu anh T2 nuôi thì chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con một triệu đồng/tháng; tuy nhiên, do cả 03 cháu đều muốn ở với anh T2, anh T2 cũng mong muốn được nuôi cả 03; mặt khác, do hiện nay chị thường xuyên phải đi làm ăn xa nhà nên chị đồng ý giao cả 03 con cho anh T2 chăm sóc nuôi dưỡng và sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con một triệu đồng/tháng (mỗi tháng là 03 triệu đồng cho 03 con).

Về tài sản, công sức và nợ: Trong thời gian chung sống vợ chồng đã xây được ngôi nhà 03 tầng trên đất của bố mẹ chồng cho tại Hậu Xá, Phương Tú, tuy chưa được cấp GCNQSDĐ nhưng đã làm thủ tục kê khai đứng tên vợ chồng. Do anh T1 trực tiếp nuôi cả 03 con nên chị không yêu cầu chia nhà này mà để cho bố con ở. Quá trình làm nhà vợ chồng có vay mượn của người thân gia đình anh T2 một số tiền để làm nhà. Do việc vay mượn đều không có giấy tờ gì, sau đó trả dần, đến nay cũng đã trả gần hết nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các văn bản tố tụng khác, bị đơn anh Thái Văn T2 trình bày: Vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện như chị T1 trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh cũng không hiểu vì lý do gì chị T1 lại làm đơn xin ly hôn đối với mình. Mặc dù chị T1 có nhiều điều sai trái nhưng anh sẵn sàng bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái khôn lớn, trưởng thành. Anh T2 cho rằng việc chị T1 nói anh là người nói nhiều, vũ phu, hay đánh đập chửi bới chị là không đúng; bởi vì chị T1 có sai thì anh mới nói, mới đánh chửi; anh thừa nhận việc thỉnh thoảng do bức xúc thì anh có nói, có đánh chị một vài cái rồi sau đó vợ chồng lại bình thường; trong cuộc sống vợ chồng không thể tránh khỏi những điều này, không tránh khỏi những mâu thuẫn, va chạm.

Mặc dù cuộc sống như vậy và chị T1 có đơn xin ly hôn nhưng anh vẫn mong muốn đoàn tụ, mong muốn được Tòa hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh T2 thừa nhận về con chung như chị T1 trình bày là đúng. Tuy nhiên, nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con mà để tự nguyện.

Về tài sản, công sức và nợ: Anh T2 thừa nhận tài sản trên đất là ngôi nhà do vợ chồng làm ra như chị T1 trình bày là đúng nhưng quyền sử dụng đất vẫn là của bố mẹ anh; tiền làm nhà do vợ chồng vay mượn là chủ yếu, đều vay của các anh chị em nhà anh và đều không có giấy tờ gì, sau đó vợ chồng trả dần. Đến nay cũng không có ai đòi. Do vậy, anh cũng không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Tại biên bản xác minh, chính quyền địa phương xã Phương Tú cho biết: Chị T1 và anh T2 đều có nguyên quán và hộ khẩu thường trú tại xã Phương Tú, việc kết hôn của anh chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Tú ngày 13/3/2006. Sau kết hôn vợ chồng sinh sống làm ăn tại địa phương; hiện nay vợ chồng chị T1 và 03 con của anh chị đều có hộ khẩu thường trú và học tập tại địa phương. Về cuộc sống của vợ chồng chị T1 từ sau kết hôn đã không hòa thuận, hay xảy ra cãi vã, chửi nhau. Khoảng giữa năm 2018 do có việc hai mẹ con người phụ nữ lạ đến nhà anh T2 ở sau đó có việc đánh ghen (chồng của người phụ nữ kia đến chửi bới, đuổi đánh anh T2), chính quyền địa phương đã kịp thời giải quyết nên chưa xảy ra hậu quả gì, địa phương cũng không xử lý gì. Từ khoảng 01 năm nay chị T1 không sinh sống tại địa phương. Nguyên nhân địa phương nắm bắt được là do mâu thuẫn vợ chồng, do anh T2 lười lao động, không chịu làm ăn lại chơi bời nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Cho đến nay địa phương không nhận được đơn thư, khiếu nại hay tranh chấp dân sự gì khác liên quan đến vợ chồng anh T2 chị T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định, anh T2 vắng mặt cả hai phiên tòa đều không có lý do, chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho chị T1 được ly hôn với anh T2. Giao anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục 03 con chung là Thái Việt Hà, Thái Quang Vinh và Thái Mạnh Cường. Chấp nhận việc chị T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả 03 con, mỗi con là một triệu đồng/tháng.

Về án phí: Chị T1 phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị T1 và anh Thái Văn T2 đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Ứng Hòa, chị T1 làm đơn ly hôn đối với anh T2, đã nộp các tài liệu kèm theo đơn và đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa thụ lý, giải quyết vụ việc là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T2 vắng mặt tại phiên tòa ngày 19/02/2020 không có lý do nên Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa ngày 10/3/2020, Tại phiên tòa hôm nay anh T2 vẫn vắng mặt không có lý do, chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[2] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T1 và anh Thái Văn T2 có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh T2 không chịu làm ăn, chơi bời, hay chửi bới, đánh đập chị T1 dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, chị T1 đã bỏ nhà đi từ làm ăn xa từ khoảng một năm nay và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh T2 mong muốn đoàn tụ nhưng không có giải pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T1 và anh T2 là căng thẳng, trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị T1 là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Thái Việt Hà – sinh ngày 20/9/2006, Thái Quang Vinh – sinh ngày 13/8/2009 và Thái Mạnh Cường – sinh ngày 25/7/2016. Hiện nay cả 03 cháu vẫn đang ở với anh T2, từ khi vợ chồng sống ly thân chị T1 vẫn thường xuyên gửi tiền để nuôi các con. Xét nguyện vọng của anh T2 được nuôi cả 03 con sau ly hôn; xét nguyện vọng của 03 cháu cũng đều mong muốn được ở với bố; đồng thời, xét quan điểm của chị T1 cũng đồng ý với việc này nên cần giữ nguyên việc nuôi dưỡng chăm sóc con như hiện nay; cần giao cho anh T2 tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cả 03 con là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng nuôi con, quá trình làm việc tại Tòa án trước đó anh T2 không yêu cầu chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con mà để tự nguyện; tại phiên Tòa hôm nay anh T2 vắng mặt; tuy nhiên, căn cứ vào thực tế nhu cầu cuộc sống của các cháu, nguyện vọng của chị T1 cũng như ý kiến đề tự nguyện của anh T2 nên HĐXX chấp nhận việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị T1 mỗi tháng đối với mỗi cháu là 01 triệu đồng cho đến khi có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản, công sức và công nợ chung: chị T1, anh T2 đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015); khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chị Nguyễn Thị T1 được ly hôn với anh Thái Văn T2

Giao 03 con chung là cháu Thái Việt Hà – sinh ngày 20/9/2006, Thái Quang Vinh – sinh ngày 13/8/2009 và Thái Mạnh Cường – sinh ngày 25/7/2016 cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con (03 con) của chị T1 đối với mỗi con là 01 triệu đồng/tháng. Việc cấp dưỡng và số tiền cấp dưỡng này được thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản quyền thăm hỏi con chung.

Về án phí: chị Nguyễn Thị T1 phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T1 đã nộp theo biên lai số 0009428 ngày 05 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T2 án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKS, THADS huyện Ứng Hòa;
- UBND xã Phương Tú;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đình Kiên

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

